

BÁO CÁO DOANH NGHIỆP

DHG - Dược Hậu Giang

Ngành: Dược phẩm và Y tế > Y tế > Dược phẩm

Ngày báo cáo: 2024-12-31

1. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

VNINDEX tại 2024-12-31 giảm **-5.24** điểm (**-0.41%**). Cao nhất: 1272.46, Thấp nhất: 1266.78, Khối lượng giao dịch: 480536340 ↓

VNINDEX giảm mạnh có thể phản ánh sự lo ngại từ nhà đầu tư về tình hình kinh tế vĩ mô, bao gồm các yếu tố như lạm phát, tăng lãi suất và bất ổn chính trị. Điều này có thể dẫn đến một làn sóng bán tháo cổ phiếu, gây áp lực lên thị trường. Một yếu tố khác có thể giải thích cho sự giảm điểm là sự điều chỉnh sau một đợt tăng mạnh

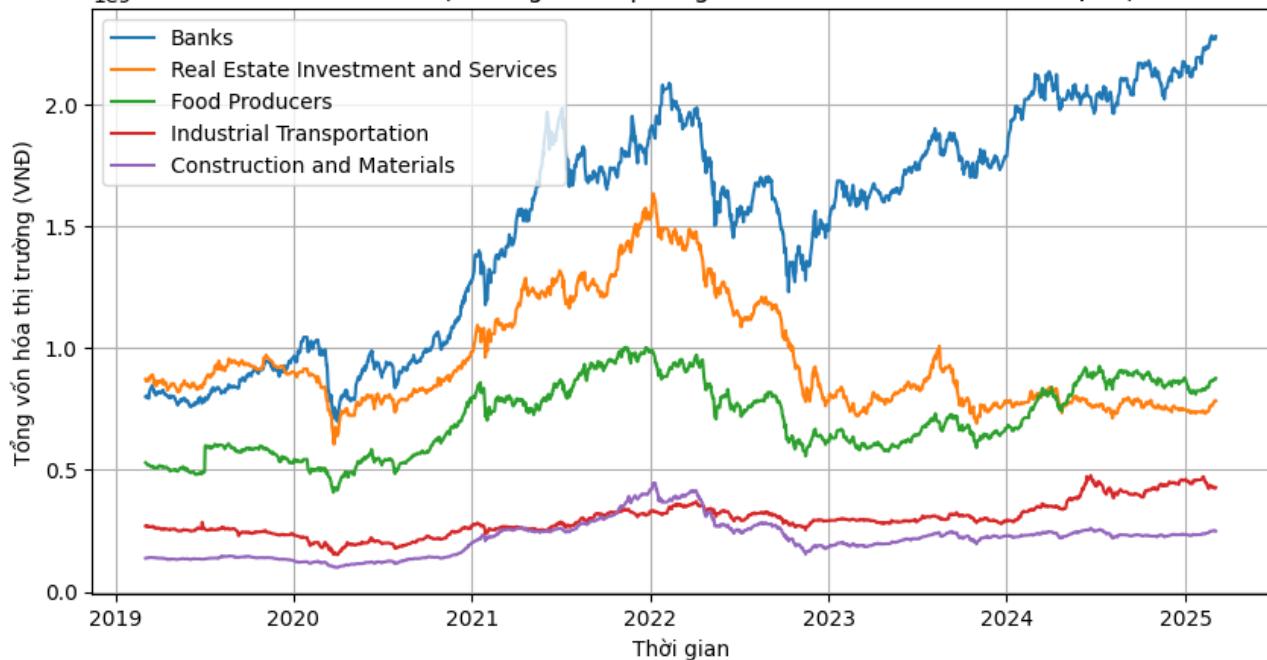
VNINDEX

Biểu đồ VNINDEX theo thời gian (đến hiện tại)



Vốn hóa thị trường

Biểu đồ vốn hóa thị trường của top 5 ngành vốn hóa lớn nhất (đến hiện tại)



Diễn biến giá trị cổ phiếu của 5 ngành có vốn hóa lớn nhất

Diễn biến giá trị cổ phiếu của 5 ngành có vốn hóa lớn nhất (tính từ 2019-12-31 đến 2024-12-31)



△ Top 10 Cổ phiếu Tăng Giá

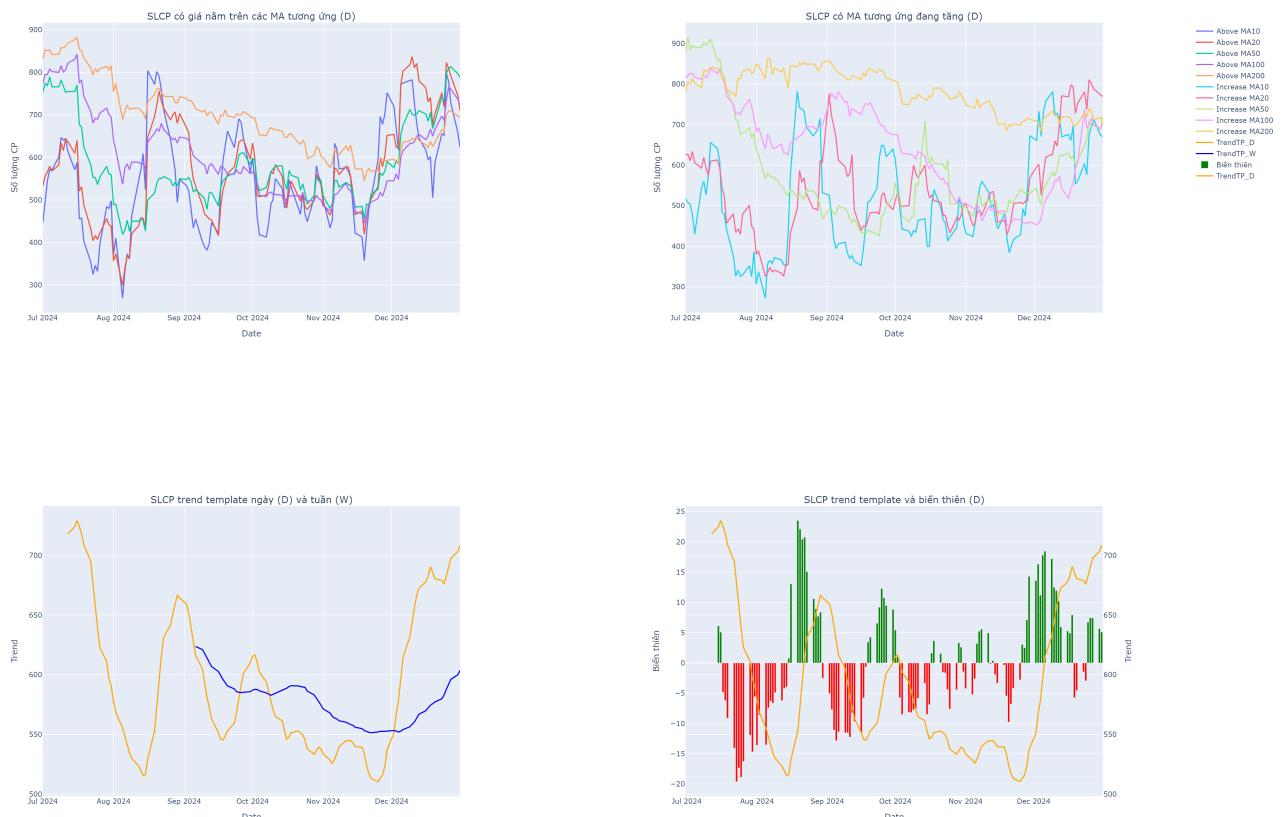
MCK	Giá	% Thay đổi	KLGD
VIX	11,250	+15.97%	28,664

C4G	18,078	+14.77%	12,918
HNG	7,000	+14.75%	10,265
HVG	3,900	+14.71%	13,424
AAS	4,044	+14.67%	11,689
BDT	27,900	+14.34%	16,296
BVB	18,154	+13.30%	12,543
SEA	16,500	+13.01%	25,437
BSR	13,900	+13.01%	36,723
HNG	8,000	+12.68%	21,040

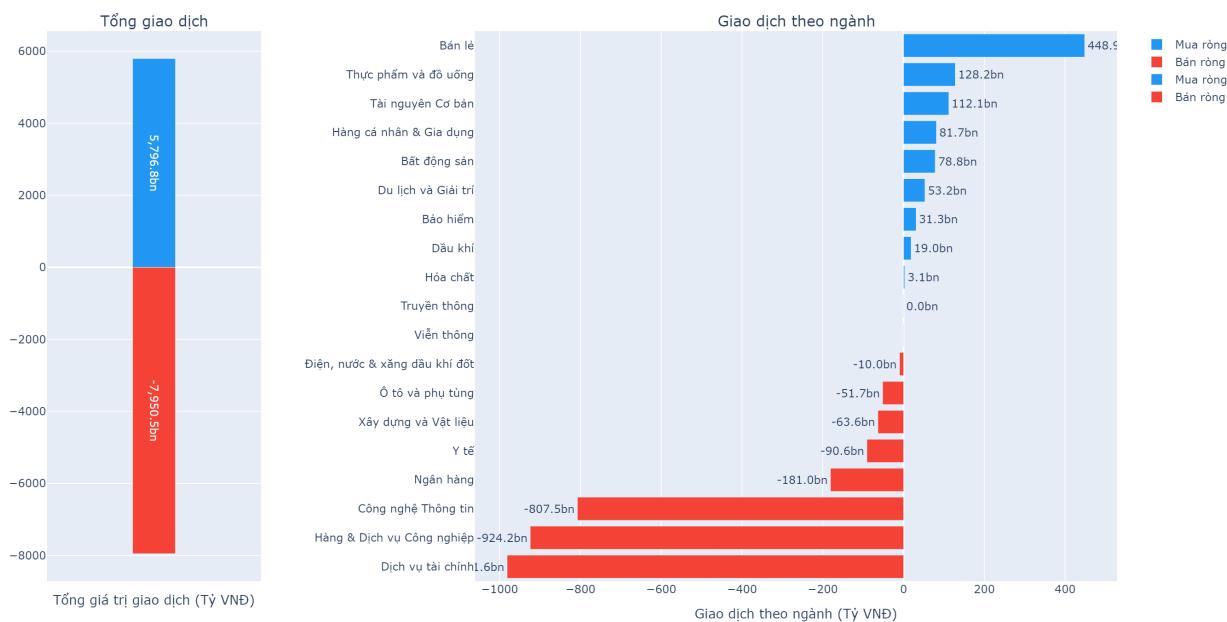
▽ Top 10 Cổ phiếu Giảm Giá			
MCK	Giá	% Thay đổi	KLGD
AAH	5,200	-16.13%	13,829
VHG	11,900	-15.60%	10,874
LPB	3,389	-15.29%	12,778
AAS	6,630	-15.06%	10,877
TCH	7,830	-13.96%	10,810
AAH	3,700	-13.95%	17,352
AAH	5,000	-13.79%	24,078
LPB	2,777	-13.24%	17,276
BSR	8,900	-12.75%	10,026
BSR	13,200	-12.00%	11,561

Khối lượng giao dịch (KLGD) trên 10,000 đơn vị.

Các đường Moving Average và Trend template



Tổng GTGD theo ngành và NĐT cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài



Thống kê dòng tiền

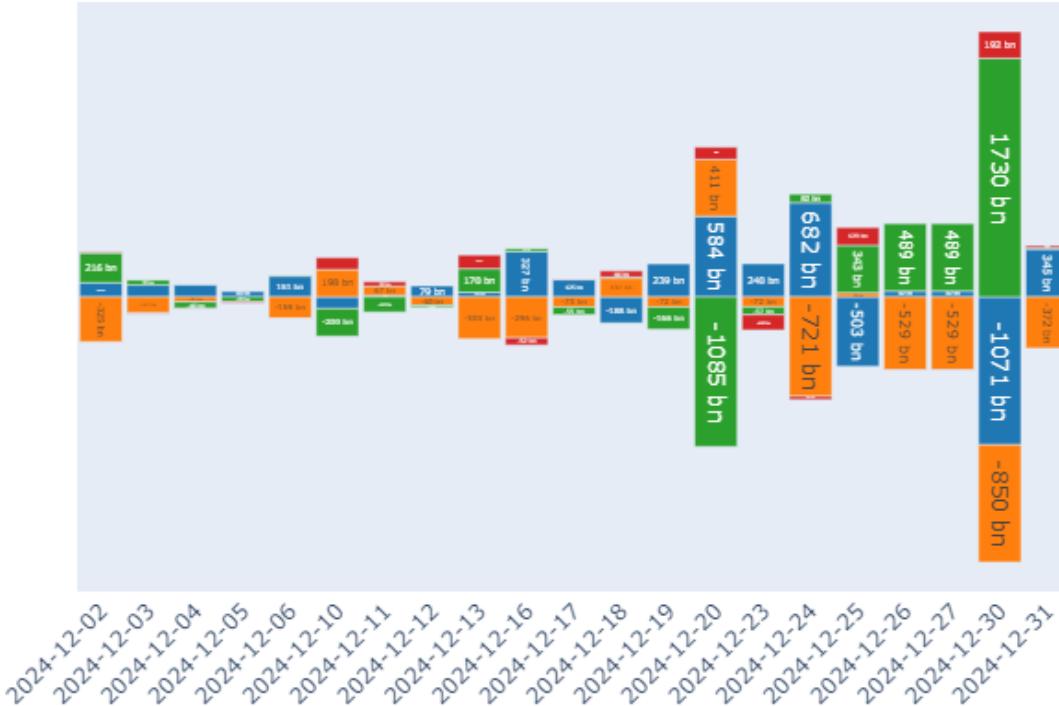
KHỚP LỆNH

■ Cá Nhân ■ Tổ Chức Trong Nước ■ Tự Doanh ■ Nước Ngoài



THỎA THUẬN

■ Cá Nhân ■ Tổ Chức Trong Nước ■ Tự Doanh ■ Nước Ngoài



2. TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

Hồ sơ Doanh nghiệp

Tiền thân của CTCP Dược Hậu Giang là Xí nghiệp quốc doanh Dược phẩm 2/9, thành lập ngày 02/9/1974. Đến ngày 02/9/2004, cổ phần hóa Xí nghiệp Liên hợp Dược Hậu Giang thành Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm, và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe. DHG được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ năm 2006.

Vị thế Doanh nghiệp

Giữ vững vị thế là doanh nghiệp dược Generic lớn nhất Việt Nam; Đẩy mạnh khai thác các dây chuyền đã đạt tiêu chuẩn Japan- GMP/ EU- GMP, nâng cấp tiêu chuẩn EU- GMP một số dây chuyền và sản phẩm chiến lược. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phục vụ thị trường nội địa, quốc tế thông qua kết nối các hoạt động R&D hiện tại với công ty mẹ Taisho. Nhập khẩu và phân phối các sản phẩm liên quan đến chăm sóc sức khoẻ của công ty mẹ Taisho, bên cạnh đó hợp tác chiến lược với các đối tác

có tiềm năng nhằm mở rộng danh mục sản phẩm. Mở rộng và đa dạng hóa kênh phân phối, tiếp tục khai thác phân khúc thị trường quốc tế.

Tóm tắt doanh nghiệp

Dữ liệu tại: 2024-12-31

Tên công ty (ngắn)	Dược Hậu Giang
Mã chứng khoán	DHG
Sàn	HOSE
Website	http://www.dhgpharma.com.vn
SLCP lưu hành (triệu CP)	130.7
Số lượng cổ đông	4239
Sở hữu nước ngoài (%)	0.538
Stock rating	2.6

3. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Sản xuất kinh doanh dược; Xuất khẩu dược liệu, dược phẩm; Nhập khẩu thiết bị sản xuất thuốc, dược liệu, dược phẩm, trang thiết bị y tế; Kinh doanh các ngành nghề khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;

4. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Bảng Dữ Liệu Giá

Dữ liệu tại: 2024-12-31

Mã CK	DHG
Giá (VND)	103,900
Giá hôm trước (VND)	103,100
Thay đổi giá hôm nay (%)	+0.78%
Cao nhất 52W	123,500

Thấp nhất 52W	99,500
KLGD hôm nay(Nghìn CP)	13.20
Vốn hóa	13,584,510

Phân Tích Diễn biến giá

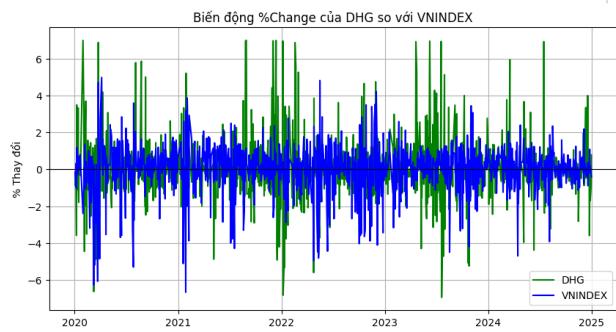
Giá cổ phiếu DHG hôm nay tăng so với phiên trước, cho thấy lực cầu đang tốt hoặc có thể đang thu hút dòng tiền ngắn hạn. Việc giá vượt qua mức hôm trước có thể là tín hiệu tích cực trong ngắn hạn, nhất là nếu đi kèm với thanh khoản tăng.

So với mức cao nhất và thấp nhất trong 52 tuần, cổ phiếu đang gần vùng đáy 52 tuần, điều này có thể phản ánh một cơ hội đầu tư hấp dẫn đối với nhà đầu tư giá trị, hoặc thị trường đang lo ngại về triển vọng của doanh nghiệp.

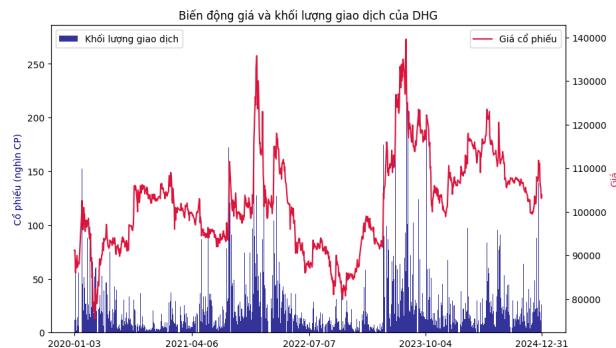
So với giá VNINDEX tại ngày này, ta thấy hiệu suất của cổ phiếu tốt hơn so với thị trường chung.

Tổng thể, cổ phiếu DHG đang phản ánh tâm lý tích cực của nhà đầu tư trong ngắn hạn. Cần kết hợp thêm phân tích kỹ thuật, tình hình doanh nghiệp và xu hướng ngành để đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

Biến động giá so với VNIndex

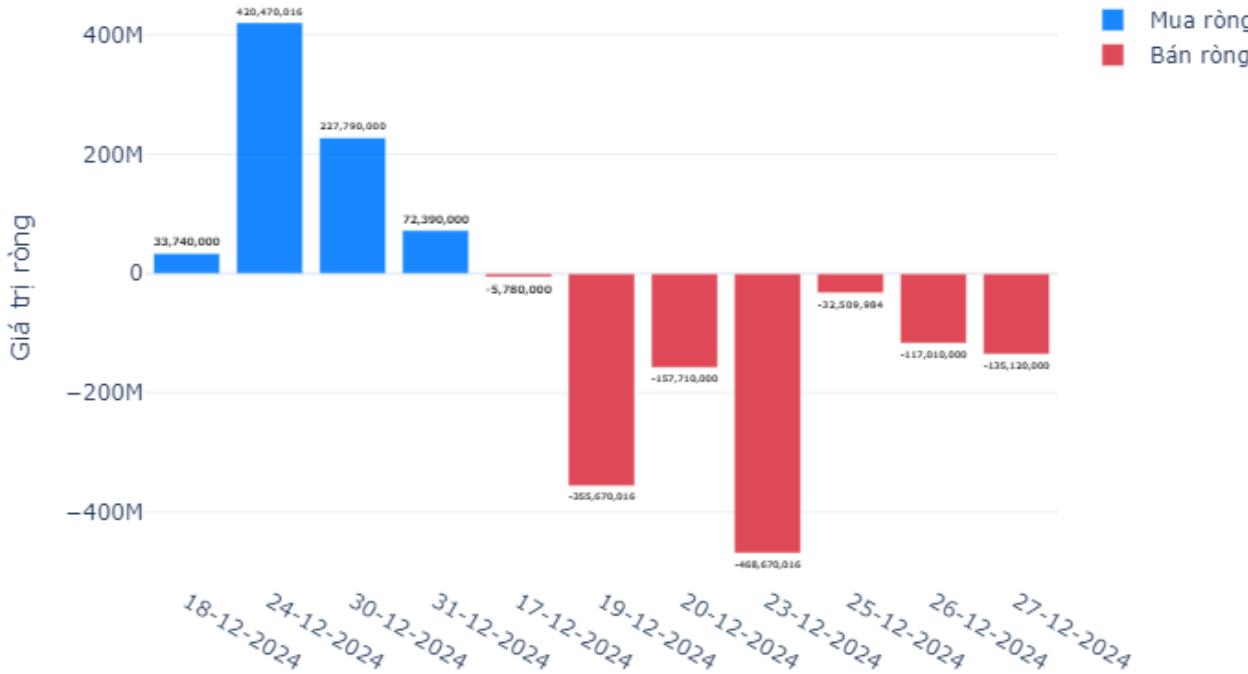


Biểu đồ giá và khối lượng giao dịch



Biểu Đồ Giao Dịch Nhà Đầu Tư Nước Ngoài

Giao dịch Nhà Đầu Tư Quốc Ngoài - DHG



5. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ số khả năng sinh lợi

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023	2024
ROA (%)	16.61	16.81	19.13	17.19	13.07
ROE (%)	20.70	20.47	23.03	21.65	19.02
ROS (%)	19.66	19.39	21.14	20.95	15.95
EBIT Margin (%)	21.49	21.28	23.25	22.52	18.01
Gross Profit Margin (%)	48.23	47.98	48.28	46.73	43.76

Đòn bẩy tài chính

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023	2024
D/A (%)	19.77	17.86	16.96	20.58	31.29

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023	2024
D/E (%)	24.65	21.74	20.43	25.91	45.53
E/A (%)	80.23	82.14	83.04	79.42	68.71

Chỉ tiêu thanh khoản

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023	2024
Current Ratio	4.26	4.92	5.20	3.90	2.57
Quick Ratio	3.25	3.50	3.66	2.61	1.95

Chỉ tiêu định giá

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023	2024
P/E	20.59	14.72	14.18	13.33	15.65
P/B	4.15	2.93	3.17	2.80	2.97
P/S	3.93	2.77	2.91	2.71	2.49
P/Cash Flow	17.88	24.53	15.09	56.56	9.22
EPS (VND)	5658.87	5944.50	7560.11	8035.90	5935.06
BVPS (VND)	27258.72	28987.56	32823.45	37117.25	31318.38

Phân Tích Tài Chính

Phân tích hiệu quả hoạt động:

- ROA (13.07%) cho thấy công ty có khả năng sinh lời tốt từ tài sản.
- ROE (19.02%) cho thấy công ty có khả năng sinh lời cao từ vốn chủ sở hữu.
- ROS (15.95%) cho thấy công ty có tỷ suất lợi nhuận từ doanh thu tốt.
- EBIT Margin (18.01%) và Gross Profit Margin (43.76%) cho thấy công ty có biên lợi nhuận tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh .

Phân tích đòn bẩy tài chính:

- D/A (31.29%) thấp cho thấy công ty ít sử dụng nợ.
- D/E (45.53%) thấp, có thể cho thấy công ty đang duy trì nợ ở mức độ an toàn.
- E/A (68.71%) cao cho thấy công ty chủ yếu sử dụng vốn chủ sở hữu.

Phân tích thanh khoản:

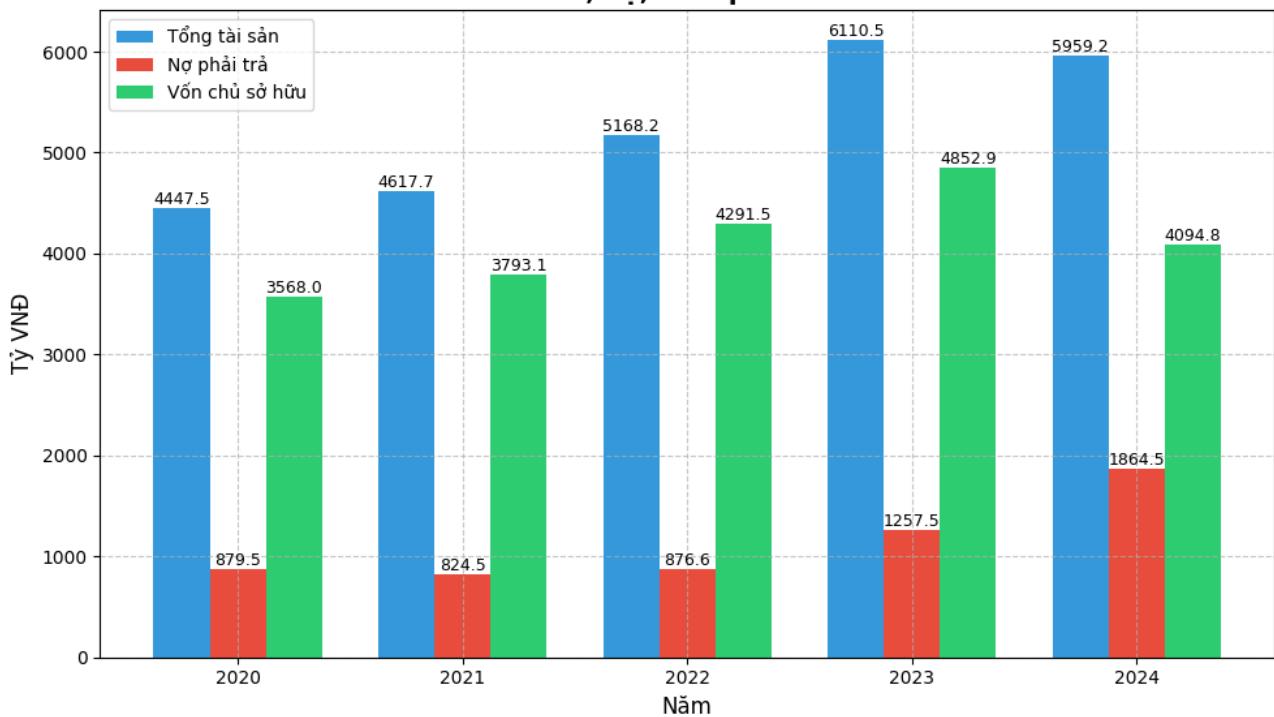
- Current Ratio (2.57) cho thấy công ty có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tốt.
- Quick Ratio (1.95) cho thấy công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn mà không cần bán hàng tồn kho.

****Phân tích định giá (P/E)**:**

- P/E (15.65) cho thấy cổ phiếu có mức định giá hợp lý.

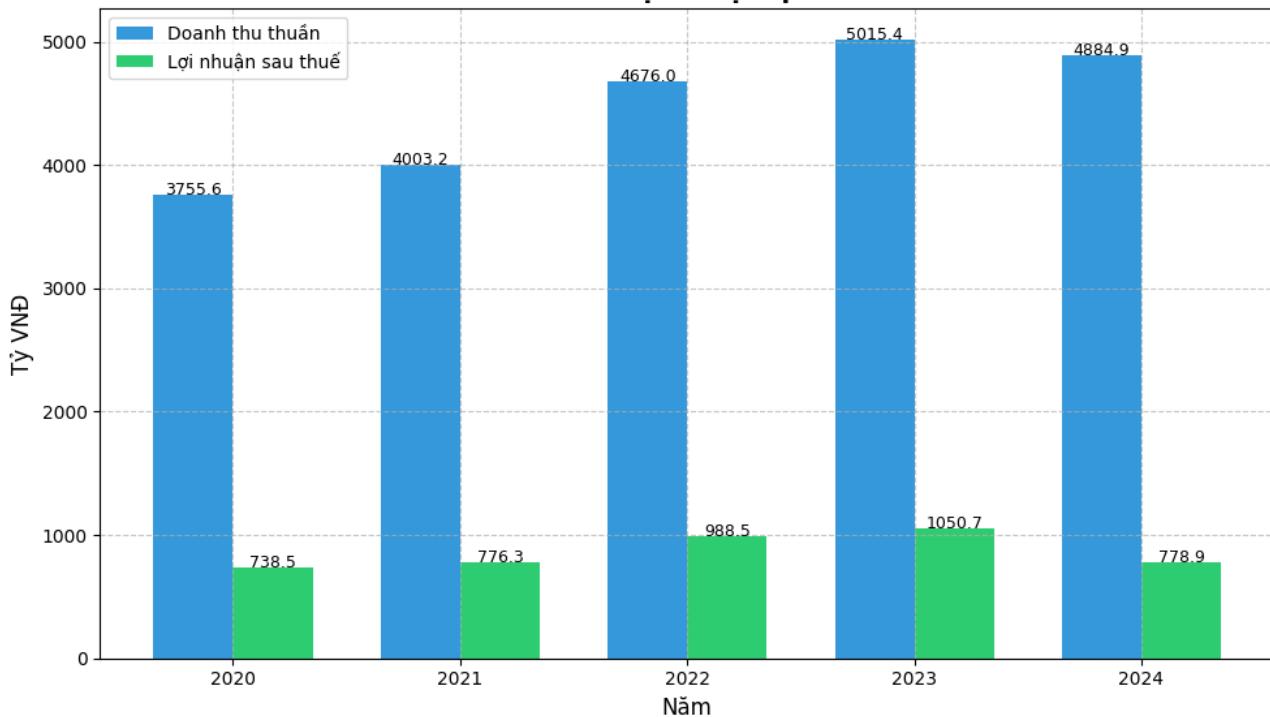
Biểu đồ cơ cấu tài sản, nợ, vốn

Cơ cấu tài sản, nợ, vốn qua các năm - DHG



Biểu đồ doanh thu và lợi nhuận

Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm



Bảng cân đối kế toán

Cân đối kế toán - Triệu VND	2020	2021	2022	2023	2024
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3,480,799.87	3,727,292.94	4,218,772.33	4,642,192.91	4,604,003.77
Tiền và tương đương tiền	73,054.47	43,373.52	34,017.81	94,134.03	62,857.55
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,074,000	2,110,000	2,355,000	2,230,000	2,745,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	496,020.20	488,071.44	550,503.36	720,853.34	656,735.93
Hàng tồn kho, ròng	826,585.43	1,072,605.51	1,250,833.92	1,534,636.31	1,115,429.27
Tài sản ngắn hạn khác	11,139.77	13,242.48	28,417.24	62,569.23	23,981.02
TÀI SẢN DÀI HẠN	966,703.60	890,373.25	949,414.18	1,468,281.31	1,355,239.51
Phải thu dài hạn	244.24	642.06	822.06	205	205
Tài sản cố định	849,298.48	767,930.67	787,387.09	816,151.35	1,195,866.73
GTCL TSCĐ hữu hình	639,214.01	562,150.49	585,574.88	634,290.81	1,017,760.83
GTCL Tài sản thuê tài chính	0	0	0	0	0

Cân đối kế toán - Triệu VND	2020	2021	2022	2023	2024
GTCL tài sản cố định vô hình	210,084.46	205,780.18	201,812.21	181,860.54	178,105.90
Giá trị ròng tài sản đầu tư	14,999.96	14,654.47	14,308.98	31,481	30,672.62
Tài sản chờ dang dài hạn	66,472.78	69,507.68	92,596.26	553,593.58	48,613.98
Đầu tư dài hạn	4,387.52	4,577.50	3,860	4,175	4,437.50
Tài sản dài hạn khác	31,300.62	33,060.86	50,439.78	62,675.38	75,443.68
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4,447,503.47	4,617,666.19	5,168,186.50	6,110,474.22	5,959,243.28
NỢ PHẢI TRẢ	879,464.11	824,522.57	876,649.60	1,257,539.55	1,864,488.18
Nợ ngắn hạn	816,433.30	757,715.60	811,536.70	1,189,241.98	1,790,292.69
Phải trả người bán ngắn hạn	252,270.55	201,219.54	364,379.19	217,976.50	167,297.35
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20,694.11	24,082.62	44,183.90	17,052.80	35,831.66
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	49,532.34	49,608.54	34,043.47	43,702.03	48,506.71
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	212,271.52	207,391.18	114,723.41	572,164.55	649,913.92
Nợ dài hạn	63,030.81	66,806.96	65,112.90	68,297.57	74,195.48
VỐN CHỦ SỞ HỮU	3,568,039.36	3,793,143.63	4,291,536.90	4,852,934.67	4,094,755.10
Vốn và các quỹ	3,568,039.36	3,793,143.63	4,291,536.90	4,852,934.67	4,094,755.10
Vốn góp của chủ sở hữu	1,307,460.71	1,307,460.71	1,307,460.71	1,307,460.71	1,307,460.71
Thặng dư vốn cổ phần	6,778.95	6,778.95	6,778.95	6,778.95	6,778.95
Vốn khác	0	0	0	0	0
Lãi chưa phân phối	769,784.60	807,129.43	1,018,364.35	1,080,572.36	322,392.78
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	29,909.70	29,909.70	29,909.70	29,909.70	66,456.95
LNST chưa phân phối kỳ này	739,874.90	777,219.73	988,454.65	1,050,662.66	255,935.84
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4,068.46	3,133.53	0	0	0

Cân đối kế toán - Triệu VND	2020	2021	2022	2023	2024
Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4,447,503.47	4,617,666.19	5,168,186.50	6,110,474.22	5,959,243.28

Báo cáo kết quả kinh doanh

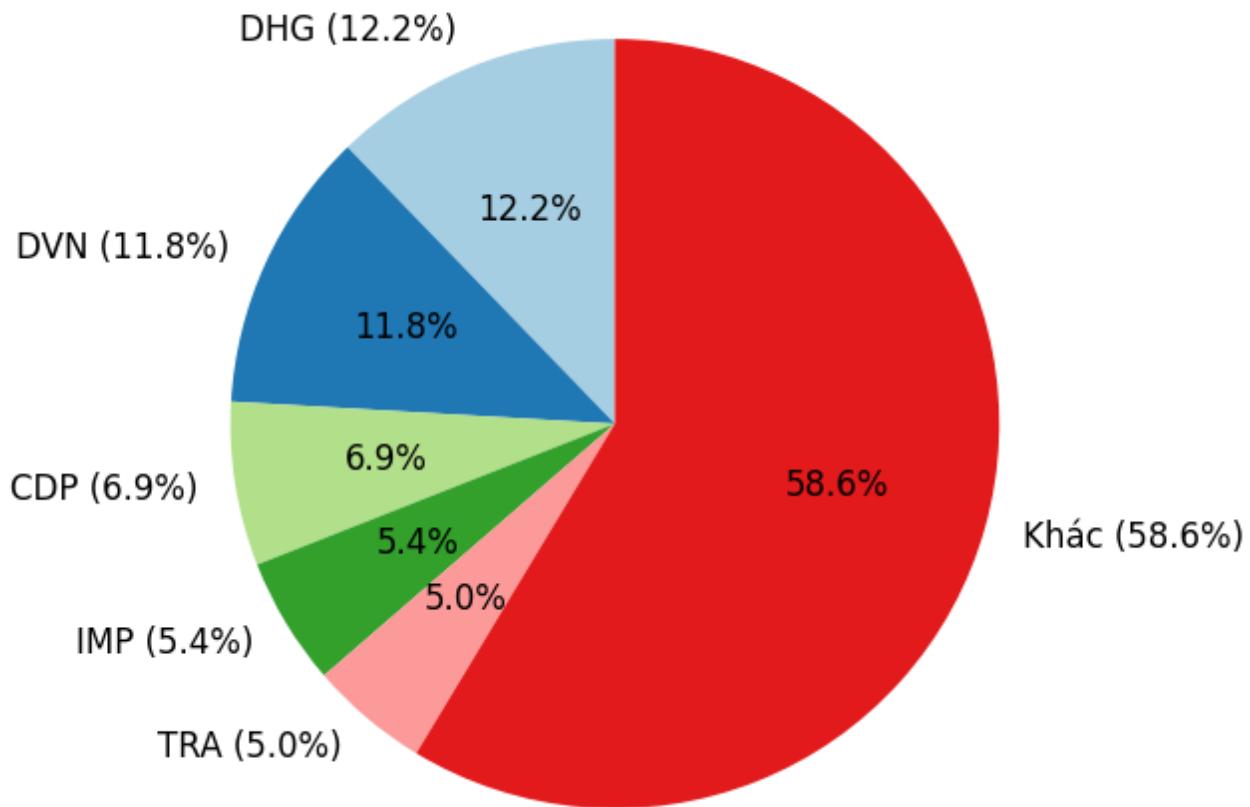
Kết quả kinh doanh - Triệu VND	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,206,732.38	4,522,014.62	5,181,739.80	5,767,734.51	5,714,422.86
Doanh thu thuần	3,755,619.31	4,003,170.42	4,676,016.01	5,015,395.04	4,884,867.66
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,811,376.27	1,920,910.59	2,257,494.94	2,343,545.04	2,137,766.13
Doanh thu hoạt động tài chính	140,432.02	122,939.31	137,142.91	217,890.29	148,119.97
Chi phí tài chính	-119,182.68	-99,190.81	-101,162.96	-90,909.17	-89,739.21
Trong đó: Chi phí lãi vay	-14,029.60	-12,080.10	-12,558.69	-29,529.51	-24,810.53
Lãi/lỗ từ công ty liên doanh	-500.64	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-699,298.28	-802,955.21	-913,204.50	-978,424.47	-904,667.10
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-302,861.76	-257,171.74	-268,212.76	-312,839.17	-312,823.42
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	829,964.93	884,532.14	1,112,057.63	1,179,262.52	978,656.37
Lợi nhuận khác	-8,941.02	-20,530.25	-12,444.31	-20,088.14	-74,171.80
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	821,023.91	864,001.89	1,099,613.32	1,159,174.39	904,484.57
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-82,490.10	-87,717.10	-111,158.67	-108,511.73	-125,564.45
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	738,533.81	776,284.79	988,454.65	1,050,662.66	778,920.12
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-1,341.09	-934.93	0	0	0
Cổ đông của Công ty mẹ	739,874.90	777,219.73	988,454.65	1,050,662.66	778,920.12
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0.01	0.01	0.01	0.01	0

Kết quả kinh doanh - Triệu VND	2020	2021	2022	2023	2024
Lãi trước thuế	821,023.91	864,001.89	1,099,613.32	1,159,174.39	904,484.57
Khấu hao TSCĐ	88,196.80	83,863.62	81,001.09	88,703.98	169,695.47
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	821,023.91	864,001.89	1,099,613.32	1,159,174.39	904,484.57
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	738,533.81	776,284.79	988,454.65	1,050,662.66	778,920.12

6. SO SÁNH VỚI NGÀNH

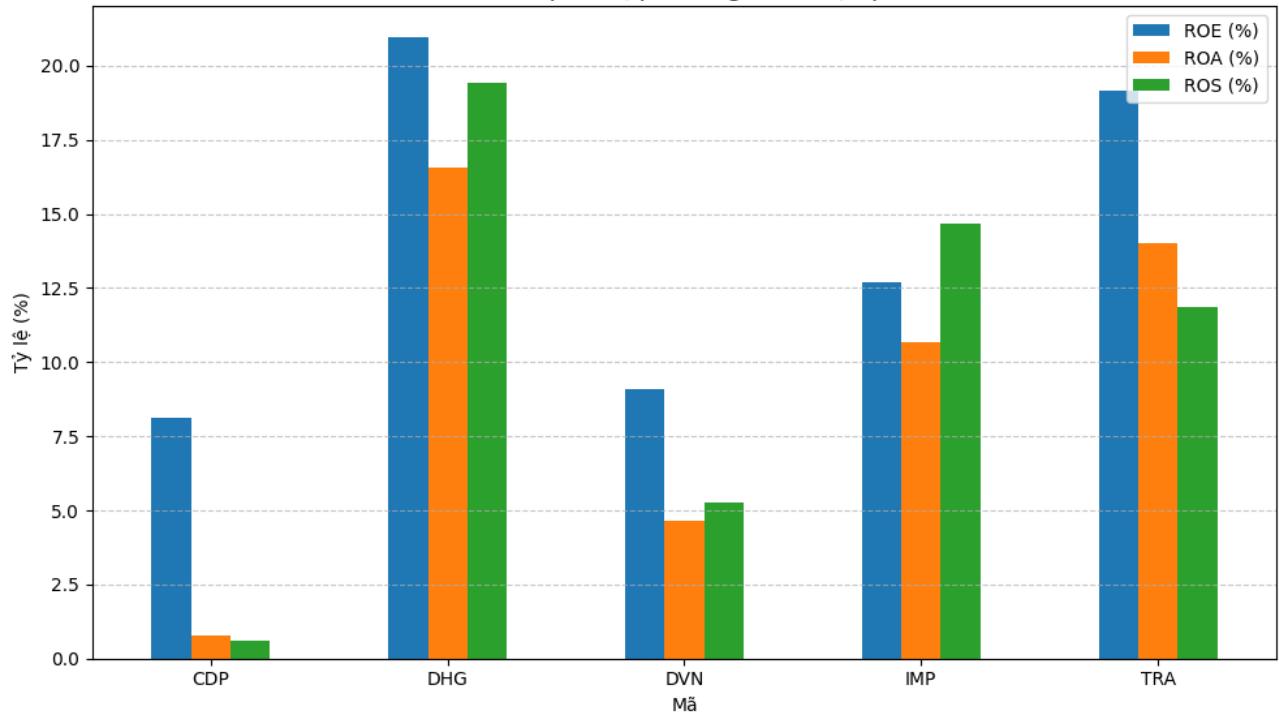
Top 5 công ty có thị phần lớn nhất

Top 5 thị phần doanh thu ngành Dược phẩm và Y tế - Năm 2024

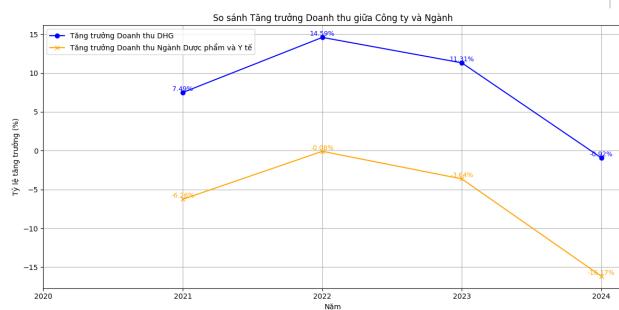


Chỉ số sinh lời Top 5 công ty có thị phần lớn nhất

So sánh ROE, ROA, ROS - Top 5 thị phần ngành Dược phẩm và Y tế năm 2024



Tăng trưởng doanh thu so với ngành

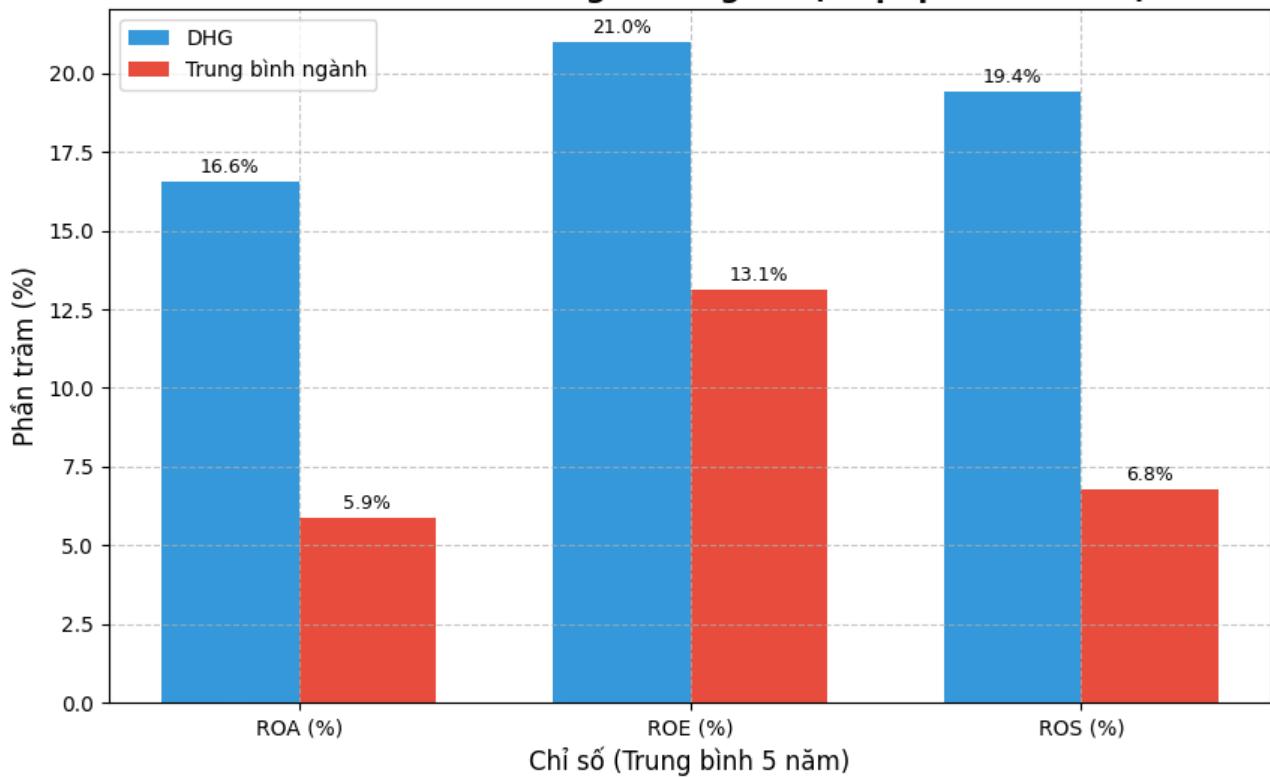


Tăng trưởng lợi nhuận so với ngành



Biểu đồ so sánh các chỉ số tài chính với trung bình ngành

So sánh DHG với trung bình ngành (Dược phẩm và Y tế)



Điều khoản miễn trách

Báo cáo này được trích xuất tự động nhằm mục đích học thuật, dựa trên các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển và các nguồn khác (Vnstock data) được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi. Bản thân tác giả sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin trong báo cáo này. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích học thuật, và không phải là một lời đề nghị hoặc mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào được đề cập ở đây. Các diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai. Nhà đầu tư phải có quyết định đầu tư dựa trên những ý kiến độc lập tùy theo tình trạng tài chính hay mục tiêu đầu tư cụ thể. Báo cáo này không được phép sao chép, tái xuất bản, phát hành cũng như tái phân phối cho bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của tác giả.

Liên hệ

"DH GROUP"

Đại diện: Phạm Thị Duyên Hải

Địa chỉ: Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: haiptd22414c@st.uel.edu.vn